

Số: 1968/QĐ-ĐHGTVT

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quyết định Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo chất lượng cao tích hợp Cử nhân - Kỹ sư trình độ đại học của Trường ĐH Giao thông vận tải

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Quyết định số 42/CP ngày 24/3/1962 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về việc thành lập Trường Đại học Giao thông Vận tải;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 34/NQ-HĐT ngày 30/12/2021 của Hội đồng Trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học GTVT;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quy định số 675/QĐ-ĐHGTVT ngày 29/03/2024 về việc quy định đào tạo chất lượng cao trình độ đại học của Trường ĐH GTVT;

Căn cứ Quyết định số 923/QĐ-ĐHGTVT ngày 02/5/2024 của Trường Đại học GTVT về việc Thành lập các tiểu ban rà soát chương trình đào tạo tiên tiến - chất lượng cao theo quy định mới;

Căn cứ Thông báo số 384/TB-ĐHGTVT ngày 03/5/2024 của Trường Đại học GTVT về việc rà soát, điều chỉnh chương trình Chất lượng cao – Chương trình tiên tiến áp dụng từ K65;

Căn cứ Thông báo 681/TB-ĐHGTVT ngày 29/08/2024 của Trường Đại học GTVT về Kết luận của Hội đồng Khoa học – Đào tạo Trường;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Chuẩn đầu ra và Khung chương trình Đào tạo của 10 chương trình chất lượng cao tích hợp Cử nhân - Kỹ sư trình độ đại học của Trường Đại học Giao thông Vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được áp dụng đối với đào tạo chất lượng cao trình độ đại học của Trường ĐHGTVT từ năm 2024 (từ Khóa 65).

Điều 3. Trường các đơn vị: Đào tạo đại học, Khoa Đào tạo quốc tế, Khảo thí & ĐBCLĐT, trưởng các khoa và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- BGH (để b/c);
- Hội đồng Trường (để b/c);
- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, ĐTDH, K.ĐTQT.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Lê Hoài Đức

DANH SÁCH CÁC CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHẤT LƯỢNG CAO

(Ban hành theo Quyết định số: 1968/QĐ-ĐHGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2024)

TT	Mã ngành cấp IV	Tên chương trình đào tạo CLC - CTTT	Mã chương trình đào tạo	Đào tạo tích hợp Cử nhân- Kỹ sư	Trang
1	7580201	Chương trình tiên tiến kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	IE0	x	4
2	7580205	Chương trình Chất lượng cao Công trình giao thông đô thị Việt - Nhật	IE2	x	8
3	7480201	Chương trình Chất lượng cao Công nghệ thông tin Việt - Anh	IE3	x	11
4	7520103	Chương trình Chất lượng cao Cơ khí ô tô Việt - Anh	IE4	x	14
5	7580301	Chương trình Chất lượng cao Kinh tế xây dựng công trình giao thông Việt - Anh	IE5	x	18
6	7580302	Chương trình Chất lượng cao Quản lý xây dựng Việt - Anh	IE6	x	20
7	7340101	Chương trình Chất lượng cao Quản trị kinh doanh Việt - Anh	IE7	-	23
8	7340301	Chương trình Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt - Anh	IE8	-	26
9	7580205	Chương trình Chất lượng cao Cầu đường bộ Việt - Pháp	IE9	x	28
10	7580205	Chương trình Chất lượng cao Cầu đường bộ Việt - Anh	IE10	x	31

tham

DANH SÁCH CÁC KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CHẤT LƯỢNG CAO

(Ban hành theo Quyết định số: 1968/QĐ-ĐHGTVT ngày 29 tháng 8 năm 2024)

TT	Mã ngành cấp IV	Tên chương trình đào tạo CLC - CTTT	Mã chương trình đào tạo	Đào tạo tích hợp Cử nhân- Kỹ sư	Trang
1	7580201	Chương trình tiên tiến kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	IE0	x	34
2	7580205	Chương trình Chất lượng cao Công trình giao thông đô thị Việt - Nhật	IE2	x	39
3	7480201	Chương trình Chất lượng cao Công nghệ thông tin Việt - Anh	IE3	x	44
4	7520103	Chương trình Chất lượng cao Cơ khí ô tô Việt - Anh	IE4	x	48
5	7580301	Chương trình Chất lượng cao Kinh tế xây dựng công trình giao thông Việt - Anh	IE5	x	53
6	7580302	Chương trình Chất lượng cao Quản lý xây dựng Việt - Anh	IE6	x	58
7	7340101	Chương trình Chất lượng cao Quản trị kinh doanh Việt - Anh	IE7	-	64
8	7340301	Chương trình Chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt - Anh	IE8	-	67
9	7580205	Chương trình Chất lượng cao Cầu đường bộ Việt - Pháp	IE9	x	70
10	7580205	Chương trình Chất lượng cao Cầu đường bộ Việt - Anh	IE10	x	75



CHUẨN ĐẦU RA

CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO KINH TẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VIỆT - ANH

1. Chương trình: Chất lượng cao Kinh tế xây dựng Công trình giao thông Việt - Anh
2. Ngành đào tạo: Kinh tế xây dựng (Construction Economics)
3. Mã ngành: 7580301 (IE5)
4. Trình độ đào tạo: Cử nhân - Kỹ sư
5. Thời gian đào tạo: 4 năm – 5 năm
6. Chuẩn đầu ra:

Nhóm	Mã	CHUẨN ĐẦU RA	CĐR Cử nhân		CĐR Kỹ sư	
			CDIO	Mức độ bloom	CDIO	Mức độ bloom
Nhóm kiến thức cơ bản	CĐR 1.1	Ứng dụng các kiến thức khoa học cơ bản toán, khoa học tự nhiên để giải quyết các vấn đề kỹ thuật xây dựng.	1.1	3	1.1	3
Nhóm kiến thức cơ sở	CĐR 1.2	Ứng dụng các kiến thức kỹ thuật cơ sở ngành để giải quyết các vấn đề kỹ thuật và quản lý dự án xây dựng.	1.2.	3	1.2.	3
Nhóm kỹ năng, thái độ cá nhân	CĐR 2	Khả năng thiết kế, thực hiện các thí nghiệm/thực nghiệm cũng như phân tích và giải thích các dữ liệu/kết quả.	(2.2)	4	(2.2)	4
Nhóm kiến thức ngành và chuyên ngành	CĐR 3	Khả năng thiết kế một hệ thống, chi tiết, hoặc một quá trình đáp ứng các yêu cầu mong muốn trong phạm vi các ràng buộc thực tiễn như về kinh tế, môi trường, xã hội, chính trị, khả năng chế tạo, đạo đức, sức khỏe và an toàn, tính bền vững và các ràng buộc khác để xử lý các vấn đề kinh tế xây dựng. BS-KS: Vận dụng, phân tích và thiết kế chuyên sâu cho các loại hình công trình xây dựng dân dụng, hạ tầng kỹ thuật và các loại hình công trình khác nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh trong các giai đoạn đầu tư xây dựng.	(4.4), (1.3), (2.3).	4	(4.4), (1.3), (2.3).	4
	CĐR 4	Khả năng xác định, mô hình hóa và giải quyết các vấn đề kỹ thuật quản lý dự án xây dựng và kinh tế xây dựng; giải quyết các vấn đề quản lý trong các tổ chức xây dựng. BS-KS: Xác định nhiều tham số và mô hình hóa chuyên sâu và chính xác hơn để	(3.1)	4	(3.1)	4

Handwritten signature

Nhóm	Mã	CHUẨN ĐẦU RA	CĐR Cử nhân		CĐR Kỹ sư	
			CDIO	Mức độ bloom	CDIO	Mức độ bloom
		giải quyết các bài toán kinh tế và quản lý trong các dự án và các tổ chức.				
Nhóm kỹ năng, thái độ cá nhân	CĐR 5	Khả năng nhận ra các nhu cầu và động lực để tham gia vào việc học tập suốt đời.	(1.3), (2.1), (4.3), (4.4)	3	(1.3), (2.1), (4.3), (4.4)	3
	CĐR 6	Khả năng nhận biết và thực hiện các trách nhiệm đạo đức và nghề nghiệp.	(2.5)	3	(2.5)	3
	CĐR 7	Khả năng phối hợp và thực hiện thành công các trách nhiệm của một thành viên trong nhóm để giải quyết vấn đề đa lĩnh vực và đa chức năng.	(3.2), (3.3)	4	(3.2), (3.3)	4
	CĐR 8	Khả năng giao tiếp hiệu quả, giao tiếp bằng tiếng Anh hiệu quả. Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.	(4.1), (4.2)	4	(4.1), (4.2)	4
Nhóm kỹ năng, thái độ nghề nghiệp	CĐR 9	Khả năng nhận biết và vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản lý dự án xây dựng trong bối cảnh toàn cầu, môi trường, kinh tế và xã hội.	(2.4)	3	(2.4)	3
	CĐR 10	Khả năng hiểu biết và áp dụng các kiến thức để giải quyết các vấn đề hiện tại và tương lai (thuộc bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh trong ngành xây dựng).	(2.1), (4.2)	4	(2.1), (4.2)	4
	CĐR 11	Khả năng sử dụng các kỹ năng, kỹ thuật và các công cụ kỹ thuật, công nghệ hiện đại cần thiết cho việc thực hành trong lĩnh vực kỹ thuật quản lý dự án xây dựng.	(1.3), (2.3), (4.5),	4	(1.3), (2.3), (4.5),	4

Ghi chú: BS.KS. chuẩn đầu ra bổ sung cho chương trình kỹ sư.

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN - KỸ SƯ
NGÀNH KINH TẾ XÂY DỰNG
CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO KINH TẾ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VIỆT - ANH

I. CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN

MÃ SỐ: 7.58.03.01.QT (IE5)

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	Học phần tiên quyết	Ngôn ngữ giảng dạy
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành			
	HỌC KỲ 1											
1	Giáo dục QP-AN 1	DE0.001.3	3	37	8					80		Việt
2	Giáo dục QP-AN 2	DE0.002.2	2	22	8					50		Việt
3	Giáo dục QP-AN 3	DE0.003.1	1	14	0				16	30		Việt
4	Giáo dục QP-AN 4	DE0.004.2	2	4	0				56	15		Việt
5	Nhập môn ngành	CM0.102.3	3	30	30					90		Việt
6	Vẽ kỹ thuật	BS0.504.4	4	45	30					60		Việt
7	Đại số tuyến tính	BS0.102.2	2	24	12					60		Việt
8	Giải tích	BS0.003.2	2	24	12					60		Việt
9	Giáo dục thể chất F1	PE0.001.1	1							30		Việt
	Cộng		20									
	HỌC KỲ 2											
10	Triết học Mác -Lênin	PS0.001.3	3	30	30					90		Việt
11	Máy xây dựng	ME0.701.2	2	24	12					60		Việt
12	Thông kê và xử lý dữ liệu	BS0.103.2	2	24	12					60		Việt
13	Trắc địa	CE0.401.3	3	30	15		10		15	90		Việt
14	Tiếng Anh B1	BS0.601.4	4	30	30					120		
15	Sức bền vật liệu 1	CE0.101.3	3	30	15		10	15		90		Việt
16	Giáo dục thể chất F2	PE0.002.1	1						30	30		Việt
	Cộng		18									
	HỌC KỲ 3											
17	Chủ nghĩa xã hội khoa học	PS0.003.2	2	24	12					60		Việt
18	Kinh tế chính trị	PS0.002.2	2	24	12					60		Việt
19	Giáo dục thể chất F3	PE0.003.1	1							30		Việt
20	Cơ học kết cấu	TC0.001.3	3	30	30		10			90		Việt
21	Pháp luật trong xây dựng	IE5.001.2	2	24	12					60		Việt

Handwritten signature

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	Học phần tiên quyết	Ngôn ngữ giảng dạy
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành			
22	Địa chất công trình ứng dụng	CE0.301.2	2	24	12					60		Việt
23	Thực tập trắc địa	CE0.402.1	1					30				Việt
24	Kinh tế quản lý trong xây dựng	CM0.103.3	3	30	30					90		Việt
25	Điều tra và quy hoạch GTVT	IE5.002.2	2	24	12					60		Việt
26	Pháp luật đại cương	TE0.914.1	1	15						30		Việt
	Cộng		19									
	HỌC KỲ 4											
27	Tư tưởng Hồ Chí Minh	PS0.005.2	2	24	12					60		Việt
28	Giáo dục thể chất F4	PE0.004.1	1							30		Việt
29	a. Thiết kế yếu tố hình học đường ô tô	CE1.201.2	2	24	12		10			60		Anh
	b. Nguyên lý thiết kế cầu và hầm	CE1.302.2		24	12		10			60		
30	Tiếng Anh B2-1	BS0.603.3	3	30	30					90		Việt
31	Kết cấu bê tông	TC0.002.3	3	30	30		10			90		Việt
32	Cơ sở công trình xây dựng	CA0.001.2	2	24	12					60		Việt
33	a. Cơ sở thiết kế nền mặt đường ô tô	CE1.202.2	2	24	12					60		Anh
	b. Công trình hạ tầng giao thông	CE1.101.2		24	12					60		Việt
34	a. Tin học xây dựng	CE0.601.2	2	24	12					60		Việt
	b. Nhập môn tư duy máy tính	IT0.015.2		24	12					60		Việt
	Cộng		17									
	HỌC KỲ 5											
35	Lập và quản lý hợp đồng xây dựng	CM1.102.2	2	24	12					60		Việt
36	Cơ sở thi công nền mặt đường ô tô	CE1.203.2	2	24	12		10			60		Anh
37	Đo bóc khối lượng xây dựng	CM1.103.3	3	30	30					90		Việt
38	a. Tài chính doanh nghiệp xây dựng	IE5.003.3	3	30	30					90		Anh
	b. Thị trường tài chính xây dựng	CM1.105.3		30	30					90		Việt
39	Cơ sở công trình cầu và hầm	CE1.301.2	2	24	12		10			60		Anh
40	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	PS0.004.2	2	24	12					60		Việt
41	Kinh tế học xây dựng	IE5.004.3	3	30	30					90		Anh
	Cộng		17									
	HỌC KỲ 6											

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	Học phần tiên quyết	Ngôn ngữ giảng dạy
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành			
42	Thiết kế định mức trong xây dựng	IE5.006.2	2	24	12					60		Việt
43	Lập giá trong xây dựng	IE5.007.3	3	30	30		10			90		Anh
44	Nghiên cứu và phát triển dự án xây dựng	CM1.109.3	3	30	30		10			90		Việt
45	Kinh tế và Quản lý doanh nghiệp xây dựng	CM1.110.3	3	30	30					90		Việt
46	a. Công nghệ thi công cầu và hầm	CE1.303.2	2	24	12					60		Anh
	b. Cơ sở xây dựng và bảo trì đường sắt	CE1.402.2		24	12							Việt
47	Thông kê ứng dụng và dự báo trong xây dựng	CM1.111.2	2	24	12					60		Việt
48	Thực tập kỹ thuật	CM1.112.2	2						60	60		Việt
	Cộng		17									
	HỌC KỲ 7											
49	Kế toán xây dựng cơ bản	CM1.113.4	4	45	30		10			120		Việt
50	Thẩm định dự án kỹ thuật	IE5.008.3	3	30	30		10			90		Anh
51	Thiết kế và tổ chức sản xuất xây dựng	IE5.009.4	4	45	30		10			120		Anh
52	Chiến lược kinh doanh trong xây dựng	IE5.010.3	3	30	30		10			90		Anh
53	Lập hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu trong xây dựng	CM.119.3	3	30	30		10			90		Việt
54	Thanh toán, quyết toán trong xây dựng	CM.120.3	3	30	30		10			90		Anh
	Cộng		20									
	HỌC KỲ 8											
55	Thực tập tốt nghiệp cử nhân KTXD	CM.121.3	3						90	90		Việt
56	Đồ án tốt nghiệp cử nhân KTXD	CM.122.10	10						300	300		Anh
	Cộng		13									
	Tổng số tín chỉ cử nhân		141									

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	Học phần tiên quyết	Ngôn ngữ giảng dạy
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành			
II. CHƯƠNG TRÌNH KỸ SƯ												
	HỌC KỲ 1 (HỌC KỲ 8 CHƯƠNG TRÌNH TÍCH HỢP CỬ NHÂN - KỸ SƯ)											
1	Lập dự án đầu tư xây dựng	CM1.216.2	2	24	12					60		Việt
2	Đồ án lập dự án đầu tư xây dựng	CM1.220.1	1			15						Việt
3	Tổ chức đấu thầu xây dựng	CM1.221.2	2	24	12					60		Việt
4	Lập giá trong xây dựng nâng cao	CM1.404.3	3	30	30		10			90		Việt
5	Đồ án lập giá trong xây dựng	CM1.405.1	1			15						Việt
6	Thanh quyết toán hợp đồng xây dựng chuyên sâu	CM1.212.3	3	30	30					90		Việt
7	Quản lý phát triển bền vững trong xây dựng	IE5.011.2	2	24	12					60		Anh
8	Thanh tra trong xây dựng	CM1.208.2	2	24	12					60		Việt
9	Đồ án thanh, quyết toán hợp đồng xây dựng	CM1.209.1	1			15						Việt
10	Quản lý sản xuất xây dựng	IE5.012.2	2	24	12					60		Anh
	Cộng		19									
	HỌC KỲ 2 (HỌC KỲ 9 CHƯƠNG TRÌNH TÍCH HỢP CỬ NHÂN - KỸ SƯ)											
11	Thẩm tra dự toán xây dựng	CM1.207.2	2	24	12					60		Việt
12	Đồ án thẩm tra dự toán xây dựng	CM1.415.1	1			15						Việt
13	Quản lý chất lượng và an toàn trong xây dựng	CM1.204.2	2	24	12					60		Việt
14	Phân tích hoạt động kinh tế doanh nghiệp xây dựng	CM1.215.3	3	30	30		10			90		Việt
15	Kinh tế đầu tư xây dựng	CM1.217.2	2	24	12					60		Việt
16	Kế toán đầu tư xây dựng	CM1.218.3	3	30	30		10			90		Việt
17	Kiểm toán trong xây dựng	CM1.219.2	2	24	12					60		Việt
18	Quản lý vòng đời kinh tế trong xây dựng	IE5.014.2	2	24	12					60		Anh
19	Quản lý môi trường và chuỗi cung ứng trong xây dựng	CM1.202.2	2	24	12					60		Việt
	Cộng		19									

TT	TÊN HỌC PHẦN	MÃ HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GIẢNG TRÊN LỚP		Thiết kế môn học	Bài tập lớn	THỰC HÀNH		TỰ HỌC	Học phần tiên quyết	Ngôn ngữ giảng dạy
				Lý thuyết	Thảo luận + Bài tập			Thí nghiệm	Thực hành			
	HỌC KỲ 3 (HỌC KỲ 10 CHƯƠNG TRÌNH TÍCH HỢP CỬ NHÂN - KỸ SƯ)											
20	Thực tập tốt nghiệp kỹ sư	CM1.423.8	8							240		Việt
21	Đồ án tốt nghiệp kỹ sư	IE5.015.10	10							300		Anh
	Cộng		18									
	Tổng số tín chỉ kỹ sư		56									
	Tổng số tín chỉ tích hợp cử nhân - kỹ sư		184									